

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 199/2020/DS-PT

Ngày: 30 - 6 - 2020

V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Đạt**

Các Thẩm phán: ông **Huỳnh Hiếu**

Bà Trần Thị Thu Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thúy Phương** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà **Phan Thị Thanh Xuân** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 và ngày 30 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 180/2020/TLPT-DS ngày 30 tháng 3 năm 2020 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 260/2019/DS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 265/2020/QĐ-PT ngày 12 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Điêu Văn NG**, sinh năm 1955 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp L, xã Long B, huyện Gy, tỉnh T.

- *Bị đơn:* Bà **Phạm Thị X**, sinh năm 1963 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp L, xã Long B, huyện Gy, tỉnh T.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn X: Luật sư **Dương Thị Kim L** - Thuộc văn phòng luật sư L – Đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/Bà **Đặng Thị Y**, sinh năm 1957 (có đơn vắng xin mặt).

Địa chỉ: Ấp L, xã Long B, huyện Gy, tỉnh T.

2/ Ông **Phạm Văn V**, sinh năm 1958 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp L, xã Long B, huyện Gy, tỉnh T.

- *Người làm chứng :*

Ông Nguyễn Văn B –sinh năm : 1943(có mặt)

Địa chỉ: ẤpL, xã Long B, huyện Gy, tỉnh T.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà **Phạm Thị X.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, nguyên đơn ông Đinh Văn NG trình bày: Do giữa vợ chồng ông và vợ chồng bà X, ông V có thỏa thuận việc hoán đổi quyền sử dụng đất để thuận lợi canh tác nhưng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà X, ông V đang thế chấp tại ngân hàng. Do đó, ngày 10/7/2017 ông cho bà X vay 69.000.000 đồng, thỏa thuận không lãi suất, mục đích để bà X trả nợ Ngân hàng, lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ra làm thủ tục hoán đổi đất với vợ chồng ông. Bà X hứa khi vay lại được tiền của Ngân hàng thì sẽ trả hết nợ cho ông.

Sau đó, bà X vay lại tiền của Ngân hàng nhưng chỉ trả cho ông 29.000.000 đồng, còn lại 40.000.000 đồng bà X không trả tiếp, dù ông đã đòi nhiều lần nhưng bà X chỉ hứa hẹn kéo dài. Tại phiên tòa bà X trình bày số tiền 40.000.000 đồng là trừ vào phần đất dư của vợ chồng bà trong việc đổi đất với vợ chồng ông là không đúng vì trong hợp đồng hoán đổi đất giữa hai bên thỏa thuận giá trị của hai thửa đất là bằng nhau.

Ông yêu cầu bà X trả số tiền 40.000.000 đồng vốn vay còn nợ và lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 10/7/2017 đến ngày xét xử, trả 1 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông NG có thay đổi về thời gian tính lãi là chỉ yêu cầu bà X trả lãi từ ngày 08/8/2017 đến ngày tuyên án. Ngoài ra không còn yêu cầu gì khác.

Bị đơn bà Phạm Thị X trình bày: Ngày 02/02/2017, vợ chồng bà có thỏa thuận với vợ chồng ông NG, bà Y hoán đổi thửa đất lúa số 699, tờ bản đồ số 27, diện tích 1.437,4m²; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH07808 do Ủy Bn nhân dân huyện Gò Công Tây cấp ngày 22/9/2014 cho bà và ông Phạm Văn V với thửa đất số 281; tờ bản đồ số; diện tích 995,7 m² ; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất CH07336 do Ủy Bn nhân dân huyện Gò Công Tây cấp ngày 04/12/2013 cho ông Điều Văn NG, bà Đặng Thị Y.

Do diện tích đất của vợ chồng bà lớn hơn diện tích đất của vợ chồng ông NG nên hai bên thỏa thuận là đổi với phần đất dư của vợ chồng bà thì vợ chồng ông NG phải trả bằng tiền với giá 100.000 đồng/m². Thời điểm đó, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng bà đang thế chấp vay vốn ở Ngân hàng nên ông NG hứa cho vay tiền để trả nợ, lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ra làm thủ tục hoán đổi đất. Ngày 31/7/2017, ông NG cho bà vay 69.000.000 đồng, thỏa

thuận không lãi suất, hẹn khi bà vay lại được tiền Ngân hàng sẽ trả hết nợ cho ông NG. Đến ngày 08/8/2007, vợ chồng bà vay được Ngân hàng 100.000.000 đồng và cùng ngày hôm đó bà đã trả cho ông NG 29.000.000 đồng. Ngay sau khi bà trả tiền thì ông NG giao lại cho bà 4.100.000 đồng (bà giảm cho ông NG 70.000 đồng) cộng với số tiền bà vay còn lại 40.000.000 đồng là trừ vào phần đất dư 441,7 m² của vợ chồng bà; sự việc này có ông Nguyễn Văn B chứng kiến.

Với yêu cầu của ông NG bà không đồng ý vì bà không còn nợ tiền ông NG.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn V trình bày: Thống nhất lời trình bày của bà X. Ngoài ra ông không yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị Y trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của ông NG. Số tiền 69.000.000 đồng là của ông NG cho bà X vay là tài sản chung của bà với ông NG. Nay giữa ông NG và bà X tranh chấp bà không yêu cầu gì.

Tại Bản án dân sơ thẩm số 260/2019/DS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự; khoản 1 điều 228 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Bn Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Điều Văn NG.

Buộc bà Phạm Thị X có nghĩa vụ trả cho ông Điều Văn NG số tiền gốc 40.000.000 đồng và lãi 9.211.110 đồng (Bốn mươi chín triệu hai trăm mười một ngàn một trăm mười đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 02/12/2019, bị đơn bà Phạm Thị X có đơn kháng cáo với nội dung yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông NG về việc kiện đòi số tiền 40.000.000 đồng và lãi suất.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Ý kiến phát biểu của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà X trình bày: Xuất phát từ việc hoán đổi đất nên mới phát sinh tranh chấp số tiền 40.000.000đồng. Do diện tích đất hoán đổi của bà X nhiều hơn của ông NG, cho nên việc hoán đổi có bù chênh lệch giá trị là đương nhiên. Ông NG khởi kiện đòi tiền vay 40.000.000đồng trong tổng số 69.000.000đồng, tại bút lục số 123 ông NG đã thừa nhận bà X trả 69.000.000đồng, cho nên số tiền tranh chấp này xem như đã trả xong. Tại thời điểm trả tiền bà X trả ông NG 69.000.000đồng, nên ông NG trả lại bà X 40.000.000đồng (từ số tiền 69.000.000đồng bà X trả) và 4.100.000đồng ông NG xuất trả để bù chênh lệch giá đất. Việc hoán đổi đất có

hiều người biết, trong đó có ông Nguyễn Văn B là người trình bày trung thực và chứng kiến từ đầu đến cuối. Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn, bác đơn khởi kiện của nguyên đơn hoặc hủy án sơ thẩm để làm rõ bút số 123 về việc ông NG trả lời bà X có trả 69.000.000đồng.

Ông NG trình bày: Bản án sơ thẩm không có nói gì đến số tiền tôi nhận 69.000.000đồng, trong phiên tòa sơ thẩm tôi cũng không trình bày là có nhận số tiền 69.000.000đồng.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm; Về nội dung vụ án: Bà X có vay của ông NG số tiền 69.000.000đồng được các bên thừa nhận, đây là sự kiện không phải chứng minh. Đối với việc hoàn trả giá trị đất chênh lệch thì có ông B là người làm chứng nhưng cho rằng nghe bà X nói lại, nên lời trình bày của ông B không phù hợp. Hợp đồng hoán đổi đất đã xác định không có bù chênh lệch. Ông NG, bà X ký hợp đồng hoán đổi đất là tự nguyện. Tòa án sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị X, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của luật sư bảo vệ cho bị đơn và đề nghị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng*: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đối với bà Đặng Thị Y có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Y theo qui định tại Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung*: Ông NG và bà X cùng trình bày thống nhất, năm 2017 hai bên có thỏa thuận hoán đổi quyền sử dụng đất cho nhau. Ông NG có quyền sử dụng đất tại thửa đất số 281, tờ bản đồ số 27, diện tích 995,7m², bà X có quyền sử dụng đất tại thửa đất số 699, tờ bản đồ số 27, diện tích 1.437,4m², hai phần đất cùng tọa lạc tại Ấp Long Thới, xã Long Bình, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang. Thời gian này giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà X đang thế chấp để vay vốn Ngân hàng với số tiền 69.000.000đồng. Hai bên thỏa thuận Ông NG cho bà X vay số tiền 69.000.000đồng để giải chấp tại Ngân hàng lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về làm thủ tục hoán đổi đất. Sau khi giải chấp tại ngân hàng lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về để làm thủ tục hoán đổi, trong thời gian này bà X dùng thửa đất khác để thế chấp và vay vốn ngân hàng số tiền 100.000.000đồng vào ngày 08/8/2017, bà X trả ông NG 29.000.000đồng. Còn lại

số tiền 40.000.000đồng hai bên phát sinh tranh chấp. Bà X cho rằng đã thỏa thuận khấu trừ vào giá trị quyền sử dụng đất, do diện đất của bà X nhiều hơn diện tích đất của ông NG: $1.437,4\text{m}^2 - 995,7\text{m}^2 = 441,7\text{m}^2$. Khi hoán đổi đất hai bên thỏa thuận giá trị đất $100.000\text{đồng}/\text{m}^2 \times 441,7\text{m}^2 = 44.170.000\text{đồng}$, ông NG đồng ý khấu trừ 40.000.000đồng và trả tiền mặt cho bà X 4.100.000đồng, còn lại 70.000đồng bà X đồng ý bớt cho ông NG. Ông NG thì cho rằng không có việc hoàn trả giá trị đất chênh lệch, không trả tiền mặt 4.100.000đồng như bà X trình bày. Tòa án sơ thẩm đã xét xử buộc bà X có nghĩa vụ trả ông NG số tiền 40.000.000đồng vốn vay và 9.221.110đồng lãi phát sinh. Xét thấy, ông NG và bà X cùng trình bày thống nhất là ông NG có cho bà X vay số tiền 69.000.000đồng (vay không lãi suất). Bà X đã trả lại 29.000.000đồng là có thật được các bên đương sự thừa nhận. Đối với số tiền 40.000.000đồng đang tranh chấp thì ông NG khởi kiện yêu cầu bà X phải trả, bà X thì cho rằng đây là số tiền ông NG khấu trừ vào việc hoán đổi đất có chênh lệch diện tích. Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào hợp đồng hoán đổi đất các bên đã ký kết có trong hồ sơ (bút lục 95,96,97) thể hiện tại khoản 3, Điều 1 “Chênh lệch về giá trị quyền sử dụng đất giữa hai thửa đất hoán đổi nêu trên là không có khoản chênh lệch”; Điều 3 của hợp đồng cũng thể hiện “các bên không phải thanh toán chênh lệch cho nhau” để buộc bà X phải hoàn trả cho ông NG số tiền vay 40.000.000đồng lãi phát sinh là chưa có cơ sở vững chắc. Bởi lẽ, các bên cùng trình bày thống nhất do đất bà X thế chấp vay vốn tại ngân hàng nên ông NG cho bà X vay 69.000.000đồng để giải chấp lấy giấy đất về làm thủ tục hoán đổi, ông Nguyễn Văn B là tổ viên tổ vay vốn làm chứng và biết rõ sự việc này, ngày 31/7/2017 ông NG cùng bà X đến ngân hàng trả tiền vay để giải chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về để làm thủ tục hoán đổi. Trong thời gian chờ làm thủ tục hoán đổi thì bà X dùng một thửa đất khác để vay vốn ngân hàng số tiền 100.000.000đồng, được ngân hàng cho vay số tiền 100.000.000đồng vào ngày 08/8/2017. Trong ngày 08/8/2017, khi vay được tiền thì bà X có điện thoại cho ông NG đến để trả tiền vay 69.000.000đồng tại nhà bà X. Tại phiên tòa phúc thẩm, Ông NG trình bày ngày 08/8/2017 bà X chỉ trả ông số tiền 29.000.000đồng còn nợ lại 40.000.000đồng. Bà X trình bày, ngày 08/8/2017 Bà X trả ông NG đủ 69.000.000đồng cụ thể: Ông NG nhận 29.000.000đồng, còn 40.000.000đồng trừ vào chênh lệch giá trị đất hoán đổi, ngoài ra ông NG còn đưa cho bà X 4.100.000đồng để bù chênh lệch và ông NG xé bỏ tờ giấy biên nhận nợ 69.000.000đồng bà X vay ông NG để giải chấp ngân hàng. Người làm chứng Nguyễn Văn B trình bày, việc thỏa thuận hoán đổi đất thì nghe bà X kể lại, nhưng tại buổi giải chấp tại ngân hàng với số tiền vay 69.000.000đồng (do ông NG cho bà X vay) thế trả nợ ngân hàng thì tôi cùng bà X và ông NG đến Ngân hàng để làm hồ sơ giải chấp vì tôi là tổ trưởng tổ vay vốn tại địa phương. Tại ngân hàng ông NG đưa vào ngân hàng 69.000.000đồng thì

chính tôi là người làm dùm giấy nợ xác nhận bà X có nợ ông NG số tiền 69.000.000đồng, tôi có ký tên với tư cách người làm chứng, giấy này được ông NG cất giữ. Đến ngày 08/8/2017 thì tôi cùng bà X đến ngân hàng để bà X nhận tiền vay là 100.000.000đồng, cùng ngày bà X gọi điện kêu ông NG đến nhà bà X trả tiền thì tôi cũng là người chứng kiến. tại đây bà X trả ông NG nhận 69.000.000đồng, ông NG nhận 29.000.000đồng, 40.000.000đồng hai bên thỏa thuận trừ giá trị đất hoán đổi, ông NG có đưa lại cho bà X số tiền 4.100.000đồng, ông NG xé bỏ tờ biên nhận với số tiền 69.000.000đồng trước mặt tôi. Tôi có đề nghị làm giấy tờ hoán đổi cho rõ ràng, tôi đang viết dang dở thì ông NG cho rằng ông NG và gia đình bà X tự làm, lúc này có người bạn điện thoại cho tôi đi công chuyện nên tôi bỏ đi và không có viết dùm tờ giấy thỏa thuận cho hai bên. Như vậy đã có cơ sở xác định việc hoán đổi đất có hoàn trả giá trị đất diễn ra vào ngày 08/8/2017 tại nhà bà X có mặt ông NG, bà X và ông Nguyễn Văn B. Xét lời trình bày của ông B là có cơ sở, phù hợp với sự thật khách quan của vụ án bởi các căn cứ như sau : Ông NG thừa nhận tại tòa phúc thẩm, ông B là tổ trưởng tổ vay vốn tại địa phương, chồng bà X đi làm xa nên mọi việc về giấy tờ bà X đều nhờ ông B làm giúp, ngày trả tiền 69.000.000đồng tại ngân hàng có mặt ông NG, bà X và ông B tại ngân hàng, cho nên ông B trình bày có viết giấy thể hiện bà X nợ ông NG số tiền 69.000.000đồng, ông B ký tên với tư cách người làm chứng, ông NG giữ tờ giấy này là có cơ sở tin cậy. Ngày 08/8/2017 khi bà X vay được 100.000.000đồng thì kêu ông NG đến để trả tiền và thỏa thuận hoàn trả giá trị đất hoán đổi với số tiền 40.000.000đồng, ông NG nhận 29.000.000đồng và có hoàn trả lại cho bà X 4.100.000đồng đồng thời ông NG xé bỏ tờ biên nhận bà X nợ 69.000.000đồng là có cơ sở tin cậy. Trường hợp không có sự thỏa thuận hoàn trả giá trị đất chênh lệch với số tiền 44.100.000đồng thì ông NG phải giữ lại tờ biên nhận với số tiền nợ 69.000.000đồng hoặc bà X phải làm giấy xác nhận còn nợ ông NG số tiền 40.000.000đồng. Như vậy việc thỏa thuận hoán đổi đất và hoàn trả giá trị đất chênh lệch và khấu trừ tiền nợ 69.000.000đồng đã được thực hiện xong ngày 08/8/2017 (ngày bà X vay được 100.000.000đồng và chưa làm hợp đồng hoán đổi theo qui định của pháp luật. Đến ngày 06/9/2017 (sau đó 28 ngày) thì hai bên mới tiến hành lập hợp đồng hoán đổi đất theo mẫu qui định và thỏa thuận không phải thanh toán khoản chênh lệch cho nhau là phù hợp với thực tế khách quan của vụ việc (do hai bên đã thỏa thuận xong ngày 8/8/2017). Xét thấy, lời trình bày của bị đơn Phạm Thị X và của người làm chứng Nguyễn Văn B là có căn cứ, phù hợp với thật sự khách quan của vụ án, số tiền 44.100.000đồng khấu trừ phù hợp với phần diện tích đất chênh lệch khi hoán đổi. Ngoài ra, đối với số tiền 40.000.000đồng thì từ ngày 08/8/2017 đến ngày 10/12/2018 thì ông NG mới khởi kiện, trong thời gian từ tháng 8 năm 2017 đến tháng 12/2018 thì giữa ông NG và bà X cũng không có thỏa thuận nào khác, trong khi hai bên thỏa thuận Bn

đầu ông NG cho bà X vay tiền để giải chấp tại ngân hàng, lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm thủ tục hoán đổi, việc hoán đổi đã thực hiện xong vào ngày 06/9/2017 cho đến nay. Cho nên, không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông NG, Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ theo khoản 2 Điều 308 và Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông NG.

[3] Xét lời đề nghị của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn về việc không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Đối với lời trình bày của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn cho rằng bút lục số 123 (biên bản phiên tòa sơ thẩm) đã thể hiện ông NG đã nhận đủ số tiền 69.000.000đồng là chưa có cơ sở vững chắc. Bởi lẽ, tại biên bản phiên tòa này đối với các phần hỏi tiếp theo đối với bà X thì bà X cũng trình bày là trả ông NG số tiền 29.000.000đồng (Bút lục 123 trang 4 biên bản phiên tòa sơ thẩm). Sau khi hỏi tiếp ông V, ông B thì chủ tọa tiếp tục hỏi ông NG, Hội thẩm Siêng hỏi ông NG và Đại diện Viện kiểm sát hỏi ông NG đều thể hiện ông NG trả lời có nhận số tiền 29.000.000đồng, nên không có cơ sở chấp nhận đề nghị của luật sư về vấn đề này .

[4] Xét lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm là chưa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên không được chấp nhận.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do chấp nhận đơn kháng cáo của bà X , nên bà X không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo qui định của pháp luật, số tiền bà X tạm nộp được hoàn trả lại cho bà X. Ông NG phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nhưng do ông NG là người cao tuổi nên ông NG không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 296, khoản 2 Điều 308, Điều 309 và Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Ủy Ban Thường Vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Bà Phạm Thị X, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 260/2019/DS-ST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

2. Không Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Điều Văn NG đòi bà Phạm Thị X có nghĩa vụ trả cho ông Điều Văn NG số tiền gốc 40.000.000 đồng và lãi 9.211.110 đồng .Tổng cộng 49.211.110 đồng (Bốn mươi chín triệu hai trăm mười một ngàn một trăm mười đồng).

3. Về án phí:

- Bà Phạm Thị X không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm. Bà X đã nộp 300.000đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0016146 ngày 03/12/2019 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Gò Công Tây, nên được hoàn lại.

- Ông NG là người cao tuổi nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Tuyên án công khai lúc 08 giờ 20 phút, Ngày 30 tháng 6 năm 2020.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- Viện kiểm sát ND tỉnh TG;
- TAND huyện Gò Công Tây;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Tây;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Đạt